

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 201/2019/DS-PT
Ngày 15/11/2019
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Bà: Huỳnh Thị Út Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 218/2019/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1959

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Phường 6, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974

- Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T

NỘI D VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H và và Nguyễn Thị D trình bày:* Vợ chồng ông P và bà T có mở cơ sở thu mua tôm Kim T. Hình thức là mua và bán tôm lại cho Công ty. Vào khoảng tháng 01/2017 ông P, bà T cùng với ông H, bà D thỏa thuận nhờ ông H, bà D đứng ra trả tiền cho những người bán tôm. Ông H, bà D được nhận tiền lời từ ông P, bà T là 2.000đ/kg. Sau khi, bán tôm cho Công ty thì ông P, bà T trả tiền lại cho ông H, bà D. Tuy nhiên, sau khi bán tôm xong thì ông P, bà T lấy tiền tiêu xài không trả cho ông H, bà D. Ông P, bà T có viết giấy nhận nợ đề ngày 19/7/2018, hẹn đến 20/8/2018 sẽ trả đầy đủ. Tính đến nay ông P, bà T chỉ trả cho ông H, bà D được số tiền là 100.000.000đ, số tiền còn lại là 245.000.000đ ông H, bà D yêu cầu ông P, bà T tiếp tục trả.

Tại đơn khởi kiện ông H, bà D có yêu cầu ông P, bà T trả số tiền 345.000.000đ nhưng nay xác định ông P, bà T chỉ nợ số tiền là 245.000.000đ nên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu vợ chồng ông P trả số tiền còn nợ là 245.000.000đ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T trình bày: Vợ chồng ông P, bà T có cơ sở thu mua tôm Kim T. Vào khoảng năm 2017, do không đủ tiền thu mua tôm nên có nhờ ông H, bà D đứng ra trả tiền cho những người bán tôm. Ông H, bà D được nhận tiền lời từ ông P, bà T là 2.000đ/kg. Ông P, bà T đem số tôm mua được bán lại cho Công ty và trả tiền lại cho ông H, bà D nhưng đến nay chưa trả hết. Tính đến nay thì ông P, bà T còn nợ lại ông H, bà D số tiền 245.000.000đ, có viết giấy nhận nợ đề ngày 20/8/2018. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ông P, bà T cho rằng do bà D mang bản hiệu “chờ lấy nợ P và T” và rải một số giấy tờ đòi nợ ở khu vực chợ V làm ảnh hưởng đến uy tín của ông bà nên ông bà không đồng ý trả nợ. Tại phiên tòa, ông P, bà T không đồng ý trả nợ với lý do giữa ông bà và ông H, bà D còn liên quan đến việc hùn vốn nuôi tôm, chờ tính xong lời lỗ sẽ khấu trừ trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 15/5/2019 Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị D buộc ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Kim T trả ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị D số tiền 245.000.000 đồng

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị D rút lại là 100.000.000 đồng

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T có đơn kháng cáo yêu cầu được trả dần số tiền 245.000.000đ cho ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông P, bà T vẫn giữ nguyên nội D kháng cáo yêu cầu được trả dần số tiền 245.000.000 đồng cho ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX ở giai đoạn phúc thẩm đúng quy định pháp luật. Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông P, bà T yêu cầu được trả dần số tiền cấp sơ thẩm đã tuyên, phía nguyên đơn không chấp thuận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Đơn kháng cáo và thủ tục kháng cáo của ông P, bà T đã nộp trong hạn luật định nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H và bị đơn ông Nguyễn Văn P được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội D vụ án xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T:

Các bên đương sự thống nhất vào khoảng tháng 01/2017 ông P, bà T cùng với ông H, bà D thỏa thuận nhờ ông H, bà D đứng ra trả tiền cho những người bán tôm. Ông P, bà T nhận số tôm này bán lại cho Công ty, sau đó trả lại tiền cho ông H, bà D. Tuy nhiên, sau khi bán tôm thì ông P, bà T lấy tiền tiêu xài không trả lại cho ông H, bà D. Ông P, bà T có viết giấy nhận nợ đề ngày 19/7/2018, hẹn đến 20/8/2018 trả đầy đủ nhưng đến nay ông P, bà T chỉ trả được số tiền là 100.000.000đ, còn nợ ông H, bà D số tiền 245.000.000đ. Căn cứ Điều 92 (*quy định về những tình tiết, sự kiện không*

phải chứng minh) của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp

Ông P, bà T kháng cáo yêu cầu được trả dần số tiền 245.000.000đ mà tòa án cấp sơ thẩm buộc ông bà phải trả cho ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D.

Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông P, bà T có thể gửi đơn đến cơ quan thi hành án để yêu cầu xem xét về việc trả nợ dần. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H và bà D không đồng ý với việc trả chậm như ông P, bà T kháng cáo nên không có cơ sở để Tòa án công nhận thỏa thuận. Do đó, kháng cáo của ông P, bà T không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T phải nộp 600.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội D kháng cáo của bị đơn về việc trả dần số tiền còn thiếu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T về yêu cầu trả dần số tiền 245.000.000 đồng còn thiếu của ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị D.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị D buộc ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Kim T trả ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị D số tiền 245.000.000đ.

2- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị D rút lại là 100.000.000 đồng.

3- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Kim T phải chịu là 12.250.000 đồng.

4- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Kim T phải chịu là 600.000 đồng. Khấu trừ số tiền 600.000đ (mỗi người 300.000đ) mà ông P, bà T

đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000200 và 0000201 cùng ngày 14/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không trả hoặc trả không đủ số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Kế Nghiệp